`ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ THƯỢNG HỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 25/KH-UBND	*Thượng Hồng, ngày 28 tháng 01 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin năm 2016;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BTP ngày 15/12/2023 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 3162/QĐ-BTP ngày 03/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg và Thông tư số 15/2025/TT-BTP;

Thực hiện Kế hoạch số 520/KH-UBND ngày 05/12/2025 của UBND thành phố về triển khai thực hiện Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg; Công văn số 2833/STP-PBGDPL ngày 22/8/2025 của Sở Tư pháp v/v triển khai, thực hiện Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Công văn số 3451/STP- PBGDPL ngày 26/9/2025 của Sở Tư pháp v/v triển khai, thực hiện quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và việc thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp xã; Quyết định số 4427/ QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ được thay thế lĩnh vực chuẩn tiếp cận pháp luật trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp; Công văn số 66/STP-PBGDPL ngày 08/01/2026 của Sở Tư pháp về hướng dẫn thời gian lấy số liệu, thời gian tổ chức đánh giá, công nhận, hình thức thẩm định và tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật trên địa bàn thành phố; Ủy ban nhân dân xã Thượng Hồng ban hành kế hoạch về việc triển khai đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai, đánh giá việc thực hiện các quy định về xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo đúng Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg và Thông tư số 15/2025/TT-BTP;

Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật ở cấp xã; bảo đảm quyền tiếp cận pháp luật của Nhân dân;

Làm căn cứ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026.

2. Yêu cầu

Đánh giá đúng, đủ 03 tiêu chí, 14 chỉ tiêu tiếp cận pháp luật được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-BTP;

Phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm; xác định cụ thể sản phẩm, hồ sơ minh chứng;

Bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan, đúng quy định;

Hồ sơ đánh giá được chuẩn hóa, thuận tiện cho việc kiểm tra, thẩm định.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Thông tin, tuyên truyền, quán triệt quy định

- *Nội dung thực hiện:* Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, ý nghĩa, điểm mới của Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg và Thông tư số 15/2025/TT-BTP; Thực hiện thông tin, truyền thông trên hệ thống truyền thanh, niêm yết tại trụ sở UBND xã và các hình thức phù hợp khác.

- *Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện:* Phòng Văn hóa – Xã hội xã.

- *Cơ quan, đơn vị phối hợp:* Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên năm 2026 và các năm tiếp theo.

2. Rà soát, thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật

- *Nội dung thực hiện:*

+ Rà soát toàn bộ hoạt động của UBND xã liên quan đến 03 tiêu chí, 14 chỉ tiêu tiếp cận pháp luật được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-BTP;

+ Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân phụ trách từng chỉ tiêu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-BTP;

+ Thu thập, chuẩn hóa hồ sơ minh chứng phục vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại Điều 3 của Thông tư số 15/2025/TT-BTP.

- *Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện:* Văn phòng HĐND và UBND xã.

- *Cơ quan, đơn vị phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* Thời gian lấy số liệu đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tính từ ngày 01/11/2025 đến ngày 31/10/2026. Được thực hiện thường xuyên, hoàn thành rà soát thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật ngày 31/10/2026.

3. Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm

- *Nội dung thực hiện:*

+ Thực hiện tự đánh giá, chấm điểm từng chỉ tiêu theo thang điểm quy định và lập bản tự đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật được quy định tại Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-BTP;

+ Xây dựng Báo cáo tự đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026.

- *Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện:* UBND xã.

- *Cơ quan, đơn vị phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* Được thực hiện từ ngày 01/11/2026.

4. Họp xét, đánh giá kết quả thực hiện và mức độ đạt của từng tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, niêm yết kết quả đánh giá, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận

- *Nội dung thực hiện:*

+ Tổ chức họp UBND xã xem xét, thống nhất kết quả tự đánh giá;

+ Niêm yết, công khai kết quả tự đánh giá tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn và trên hệ thống truyền thanh, cổng thông tin điện tử xã;

+ Lấy ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo đúng trình tự, thời gian quy định;

+ Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

+ Hoàn thiện hồ sơ, báo cáo và gửi đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật về cơ quan có thẩm quyền đúng thời hạn.

- *Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện:* UBND xã.

- *Cơ quan, đơn vị phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:*

Họp xét, đánh giá kết quả thực hiện được thực hiện từ ngày 01/11/2026 hoàn thành trước ngày 10/11/2026;

Niêm yết niêm yết kết quả đánh giá (ít nhất 10 ngày) hoàn thành trước ngày 22/11/2026;

Hoàn thiện hồ sơ và đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026 hoàn thành trước ngày 25/11/2026.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ GẮN VỚI 03 TIÊU CHÍ, 14 CHỈ TIÊU ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC I BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 15/2025/TT-BTP

1. Tiêu chí 1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Yêu cầu mức độ đạt chuẩn tiêu chí: đạt 03/03 chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 1. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định: 100%

+ Nội dung thực hiện: Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật (chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-BTP;

+ Sản phẩm: Hồ sơ ban hành VBQPPL Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện: Ủy ban nhân dân xã.

+ Cơ quan, đơn vị phối hợp: Đề nghị Thường trực HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ Thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 31/10/2026.

- Chỉ tiêu 2. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định: 100%

+ Nội dung thực hiện: Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Sản phẩm: Kế hoạch, báo cáo, tin bài … thể hiện tỷ lệ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện: Phòng Văn hóa – Xã hội

+ Cơ quan, đơn vị phối hợp: Trung tâm Dịch vụ sư nghiệp công xã, Đề nghị Thường trực HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND xã, cổng thông tin điện tử xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ Thời gian thực hiện: theo quy định của pháp luật về ban hành VB QPPL.

- Chỉ tiêu 3. Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ *Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định: 100%*

+ *Nội dung thực hiện*: Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ *Sản phẩm:* Hồ sơ tự kiểm tra văn bản QPPL (Kế hoạch, hồ sơ VBQPPL, Báo cáo kết quả kiểm tra, Kiến nghị xử lý, Quyết định xử lý (nếu có)) thể hiện tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật

+ *Cơ quan, đợn vị chủ trì thực hiện:* Văn phòng HĐND và UBND xã tự kiểm tra quyết định của UBND xã; đề nghị Đề nghị Thường trực HĐND xã tự kiểm tra nghị quyết định của UBND xã theo quy định của Khoản 3 Điều 2 của Nghị định 187/2025/NĐ-CP;

+ *Cơ quan, đơn vị phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* Theo quy định về ban hành VB QPPL và kế hoạch tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật năm 2026.

2. Tiêu chí 2. Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật

Yêu cầu mức độ đạt chuẩn tiêu chí: đạt 07/07 chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 1. Thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

+ *Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định: đạt 02/02 nội dung*.

+ *Nội dung thực hiện*:

ND1. Thực hiện lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện.

ND2. Đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin.

+ *Sản phẩm:* Quy chế cung cấp thông tin của UBND xã (theo quy định tại Điều 6 của Nghị định 13/2018/NĐ-CP); Danh mục thông tin phải được công khai của Ủy ban nhân dân xã (bản giấy/hoặc bản điện tử); Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện của Ủy ban nhân dân xã; Minh chứng việc đăng tải trên Cổng/Trang Thông tin điện tử hoặc biên bản, hình ảnh niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã; Quyết định hoặc văn bản phân công công chức phụ trách theo dõi, cập nhật Danh mục thông tin.

+ *Cơ quan, đợn vị chủ trì thực hiện:* Văn phòng HĐND và UBND xã.

+ *Cơ quan, đơn vị phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* hoàn thành trước ngày 31/10/2026.

- Chỉ tiêu 2. Thực hiện công khai văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin

Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định: 100%.

+ Nội dung thực hiện:

Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin

Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được thông qua và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện công khai theo quy định trong năm đánh giá) x 100.

+ Sản phẩm:

Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã là văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành trong năm đánh giá;

Bản in hoặc file điện tử các văn bản quy phạm pháp luật đã được công khai;

Minh chứng việc đăng tải văn bản trên Cổng/Trang Thông tin điện tử hoặc hình ảnh, biên bản niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và các điểm sinh hoạt cộng đồng;

+ Cơ quan, đợn vị chủ trì thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND xã.

+ Cơ quan, đơn vị phối hợp: Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo VB QPPL, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên trong năm 2026, gắn với thời điểm ban hành từng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, Quyết định Ủy ban nhân dân xã.

- Chỉ tiêu 3. Thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin

Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định: 100%.

+ Nội dung thực hiện:

Tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật

Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp trong năm đánh giá) x 100

(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được xác định là đạt chỉ tiêu này).

+ Sản phẩm:

Sổ theo dõi hoặc phần mềm quản lý tiếp nhận, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của công dân;

Hồ sơ tiếp nhận và văn bản trả lời yêu cầu cung cấp thông tin (nếu có);

Văn bản báo cáo xác nhận không phát sinh yêu cầu cung cấp thông tin trong năm (trường hợp không có yêu cầu).

+ *Cơ quan, đợn vị chủ trì thực hiện:* Văn phòng HĐND và UBND xã.

+ *Cơ quan, đơn vị phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* Thực hiện thường xuyên trong năm 2026, các cơ quan, đơn vị tổng hợp về VP HĐND và UBND xã trước ngày 31/10/2026.

- Chỉ tiêu 4. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.

Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định: Đạt 02/02 nội dung.

+ *Nội dung thực hiện*:

ND1. Ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật

ND2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm

Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100

(Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này).

+ *Sản phẩm:*

Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm của Ủy ban nhân dân xã;

Các văn bản triển khai, thông báo, tài liệu phục vụ thực hiện Kế hoạch PBGDPL;

Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch PBGDPL hằng năm, thể hiện rõ tỷ lệ nhiệm vụ, hoạt động hoàn thành đạt 100%;

Tài liệu, hình ảnh, danh sách, biên bản chứng minh các hoạt động PBGDPL đã triển khai trên thực tế.

+ *Cơ quan, đợn vị chủ trì thực hiện:* Văn phòng HĐND và UBND xã

+ *Cơ quan, đơn vị phối hợp:* Phòng Văn hóa – Xã hội xã, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* Theo kế hoạch 06/KH-UBND ngày 09/01/2026 của UBND xã; tổng hợp, hoàn thành trước ngày 31/10/2026.

- Chỉ tiêu 5. Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

+ *Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định:* Đạt 01/01 nội dung, ≥ 02 hoạt động.

+ *Nội dung thực hiện*:

Thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật sau đây:

- Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến;

- Ứng dụng công nghệ số trong tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ nhân lực làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và có sự kết nối với Cổng Pháp luật Quốc gia (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang thông tin điện tử);

- Sử dụng mạng xã hội hoặc các nền tảng cộng đồng trực tuyến khác để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật (ít nhất một trong các hình thức sau: Zalo OA, Facebook Fanpage, Youtube...);

- Xây dựng, số hoá các tài liệu, sản phẩm truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật như video clip hoặc podcast hoặc audio…;

- Xây dựng chatbox giải đáp pháp luật;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tin nhắn điện thoại;

- Hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số khác bảo đảm phù hợp với thực tiễn.

+ *Sản phẩm:*

Kế hoạch, văn bản triển khai các hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác PBGDPL;

Minh chứng các hoạt động đã thực hiện (đường link cuộc thi trực tuyến, ảnh chụp màn hình Cổng/Trang Thông tin điện tử, mạng xã hội; video clip, podcast, tài liệu số hóa…);

Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện các hoạt động chuyển đổi số trong công tác PBGDPL, thể hiện số lượng hoạt động đạt yêu cầu (≥ 02 hoạt động).

+ *Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện:* Phòng Văn hóa – Xã hội xã.

+ *Cơ quan, đơn vị phối hợp:* các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện:* Theo kế hoạch triển khai các hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác PBGDPL; tổng hợp, hoàn thành trước ngày 31/10/2026.

- Chỉ tiêu 6. Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.

+ *Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định:* Đạt 03/03 nội dung, trong đó ND1. Bảo đảm theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn hướng dẫn thi hành; ND2. Đạt 100%; ND3. Đạt ≥ 90%

+ *Nội dung thực hiện*:

ND1. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp xã

ND2. Tỷ lệ nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã ban hành được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện.

Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện/Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong Kế hoạch) x 100

ND3. Tỷ lệ tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật

Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn cấp xã) x 100

+ Sản phẩm:

Quyết định công nhận/kiện toàn tuyên truyền viên pháp luật của xã;

Hồ sơ, tài liệu chứng minh việc bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác PBGDPL; Dự toán, quyết định phân bổ và chứng từ sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ PBGDPL; bảng tổng hợp tỷ lệ nhiệm vụ PBGDPL được bố trí kinh phí đạt 100%;

Kế hoạch, tài liệu, danh sách tham gia tập huấn, biên bản, hình ảnh; bảng tổng hợp tỷ lệ tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng đạt ≥ 90%.

+ Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND xã.

+ Cơ quan, đơn vị phối hợp: UB MTTQ xã, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

+ Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch, văn bản triển khai các hoạt động; tổng hợp, hoàn thành trước ngày 31/10/2026.

- Chỉ tiêu 7. Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

+ Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định: Đạt 03/03 nội dung, trong đó ND1. Bảo đảm theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn hướng dẫn thi hành; ND2. Đạt 100%; ND3. Đạt ≥ 90%

+ Nội dung thực hiện:

ND1. Ban hành kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

ND2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm

Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong kế hoạch) x 100

(Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này)

ND3. Xây dựng chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng Thông tin điện tử/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và được cập nhật đầy đủ, kịp thời (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang Thông tin điện tử)

+ Sản phẩm:

Kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý năm 2026 của UBND xã;

Các văn bản, tài liệu, hình ảnh, danh sách, biên bản chứng minh việc triển khai các hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý;

Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý, thể hiện tỷ lệ nhiệm vụ, hoạt động hoàn thành đạt 100%;

Minh chứng về chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã (ảnh chụp màn hình, đường link, lịch cập nhật nội dung).

+ Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND xã.

+ Cơ quan, đơn vị phối hợp: UB MTTQ xã và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

+ Thời gian thực hiện: tổ chức triển khai và cập nhật chuyên mục trợ giúp pháp lý xuyên suốt cả năm 2026; tổng hợp, hoàn thành trước ngày 31/10/2026.

3. Tiêu chí 3. Hoà giải ở cơ sở

Yêu cầu mức độ đạt chuẩn tiêu chí: đạt 04/04 chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 1. Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

+ Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định: Đạt 02/02 nội dung, trong đó ND1. Đạt 100%; ND2. Đạt 100%.

+ Nội dung thực hiện:

ND1. Tỷ lệ tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở

Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn đáp ứng yêu cầu về số lượng, thành phần theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số tổ hoà giải phải thành lập, kiện toàn trên địa bàn cấp xã) x 100

(Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu thành lập, kiện toàn tổ hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)

ND2. Tỷ lệ hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở

Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số hoà giải viên phải thực hiện bầu, công nhận, cho thôi trên địa bàn cấp xã) x 100

(Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu kiện toàn, công nhận, cho thôi hòa giải viên được xác định là đạt chỉ tiêu này).

+ Sản phẩm:

Quyết định của Ủy ban nhân dân xã về thành lập/kiện toàn các tổ hòa giải trên địa bàn;

Biên bản họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên;

Quyết định công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên; quyết định cho thôi làm hòa giải viên (nếu có);

Danh sách tổ hòa giải, hòa giải viên trên địa bàn xã;

Báo cáo tổng hợp kết quả thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận, cho thôi hòa giải viên, thể hiện tỷ lệ đạt 100%.

+ Cơ quan, đợn vị chủ trì thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND xã.

+ Cơ quan, đơn vị phối hợp: UB MTTQ xã và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

+ Thời gian thực hiện: Việc thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận, cho thôi hòa giải viên được thực hiện ngay khi phát sinh yêu cầu theo quy định pháp luật; tổng hợp, hoàn thành trước ngày 31/10/2026.

- Chỉ tiêu 2. Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

+ Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định: Đạt 02/02 nội dung, trong đó ND1. Đạt 100%; ND2. Đạt ≥ 85%.

+ Nội dung thực hiện:

ND1. Tỷ lệ các vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở

Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giảitheo quy định/Tổng số vụ, việc hoà giải đã tiếp nhận trên địa bàn cấp xã) x 100

(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)

ND2. Tỷ lệ các vụ, việc hoà giải ở cơ sở được hoà giải thành

Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc đã hòa giải theo quy định) x 100

(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này).

+ Sản phẩm:

Sổ theo dõi, thống kê các vụ, việc hòa giải ở cơ sở trên địa bàn xã;

Hồ sơ hòa giải (biên bản hòa giải, biên bản hòa giải thành, hòa giải không thành – nếu có);

Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp nhận, giải quyết các vụ, việc hòa giải ở cơ sở, thể hiện tỷ lệ đạt 100% và tỷ lệ hòa giải thành đạt ≥ 85%;

+ *Cơ quan, đợn vị chủ trì thực hiện:* Văn phòng HĐND và UBND xã.

+ *Cơ quan, đơn vị phối hợp:* UB MTTQ xã và các tổ chức thành viên; Các tổ hòa giải ở thôn; trưởng thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện*: Thực hiện thường xuyên trong năm 2026; việc hòa giải được tiến hành sau khi tiếp nhận vụ, việc theo quy định pháp luật; tổng hợp, hoàn thành trước ngày 31/10/2026.

- Chỉ tiêu 3. Có sự phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở.

+ *Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định:* Đạt 01/01 nội dung, trong đó yêu cầu nội dung thực thiện đạt ≥ 80%.

+ *Nội dung thực hiện*:

Tỷ lệ tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở sau đây:

- Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ sau đây tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở: Luật sư, luật gia, trợ giúp viên pháp lý, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật.

- Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên hỗ trợ pháp lý hoặc tư vấn cho tổ hoà giải để giải quyết vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở.

- Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hoà giải viên.

- Các hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức khác trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở.

Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hoà giải ở cơ sở/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100.

+ *Sản phẩm:*

Văn bản phối hợp giữa Ủy ban nhân dân xã với các cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong công tác hòa giải ở cơ sở;

Danh sách hòa giải viên có sự tham gia của các đội ngũ được huy động;

Hồ sơ, tài liệu chứng minh hoạt động hỗ trợ pháp lý, tư vấn pháp luật cho tổ hòa giải;

Tài liệu, danh sách, biên bản, hình ảnh các lớp tập huấn, bồi dưỡng hòa giải viên;

Báo cáo tổng hợp kết quả phối hợp, hỗ trợ trong công tác hòa giải ở cơ sở, thể hiện tỷ lệ tổ hòa giải đạt ≥ 80%.

+ Cơ quan, đợn vị chủ trì thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND xã.

+ Cơ quan, đơn vị phối hợp: UB MTTQ xã và các tổ chức thành viên; Công an xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ Thời gian thực hiện: Thực hiện trong năm 2026; các hoạt động phối hợp, hỗ trợ được tổ chức xuyên suốt năm, gắn với quá trình triển khai công tác hòa giải ở cơ sở; tổng hợp, hoàn thành trước ngày 31/10/2026.

- Chỉ tiêu 4. Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác hòa giải ở cơ sở theo của quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

+ Yêu cầu mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu theo quy định: Đạt 04/04 nội dung, trong đó ND1. Có văn bản phân công công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm triển khai công tác hoà giải ở cơ sở; ND2. Đạt ≥ 90%; ND3. Đạt 100%; ND4. Đạt 100%.

+ Nội dung thực hiện:

ND1. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức làm công tác hoà giải ở cơ sở, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã.

ND2. Tỷ lệ hoà giải viên được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở.

Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên ở cơ sở được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số hoà giải viên trên địa bàn cấp xã) x 100.

ND3. Tỷ lệ tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí hoạt động đúng mức chi theo quy định.

Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100.

ND4. Tỷ lệ vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định.

Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hoà giải đã giải quyết) x 100.

+ Sản phẩm:

Văn bản phân công công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở;

Hồ sơ, tài liệu chứng minh việc bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở;

Kế hoạch, tài liệu tập huấn; danh sách hòa giải viên được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng; bảng tổng hợp tỷ lệ đạt ≥ 90%;

Quyết định phân bổ kinh phí; chứng từ chi hỗ trợ hoạt động cho các tổ hòa giải; bảng tổng hợp tỷ lệ tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đạt 100%;

Hồ sơ chi trả thù lao cho hòa giải viên (bảng thanh toán, chứng từ liên quan); bảng tổng hợp tỷ lệ vụ, việc được hỗ trợ thù lao đạt 100%.

+ *Cơ quan, đợn vị chủ trì thực hiện:* Văn phòng HĐND và UBND xã.

+ *Cơ quan, đơn vị phối hợp:* UB MTTQ xã và các tổ chức thành viên; các tổ hòa giải, hòa giải viên và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

+ *Thời gian thực hiện*: Thực hiện trong năm 2026; việc bảo đảm nguồn lực, bố trí và chi trả kinh phí được thực hiện theo tiến độ triển khai công tác hòa giải ở cơ sở và quy định của pháp luật; tổng hợp, hoàn thành trước ngày 31/10/2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng HĐND và UBND xã

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã trong việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật theo quy định.

Chủ trì rà soát, phân công nhiệm vụ gắn với 03 tiêu chí, 14 chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; theo dõi tiến độ thực hiện từng chỉ tiêu; tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị.

Tham mưu tổ chức tự đánh giá, chấm điểm, lập Bản tự đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; xây dựng Báo cáo tự đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026 theo đúng mẫu, đúng thời hạn.

Chủ trì việc lấy ý kiến Nhân dân, tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; tham mưu tổ chức họp xét, hoàn thiện hồ sơ và gửi đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuẩn hóa, lưu trữ hồ sơ minh chứng, bảo đảm đầy đủ, thống nhất, thuận tiện cho công tác kiểm tra, thẩm định.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội xã

Chủ trì triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến tiếp cận thông tin, công khai văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL theo phân công tại Kế hoạch.

Thực hiện thông tin, tuyên truyền, truyền thông về chuẩn tiếp cận pháp luật; quản lý, cập nhật nội dung trên Cổng/Trang Thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh và các hình thức truyền thông khác theo quy định.

Phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã trong việc thu thập, cung cấp hồ sơ minh chứng, báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu được phân công.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên

Phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện các nội dung liên quan đến tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Tham gia phối hợp, hỗ trợ trong công tác hòa giải ở cơ sở; tham gia góp ý đối với kết quả tự đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

Phối hợp cung cấp thông tin, hồ sơ minh chứng theo nội dung, nhiệm vụ được phân công.

5. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật có liên quan; bảo đảm tiến độ, chất lượng và yêu cầu theo Kế hoạch.

Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu; cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá, thẩm định.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu, nội dung báo cáo và hồ sơ minh chứng thuộc phạm vi quản lý.

6. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách xã hàng năm và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

7. Các cơ quan, đơn vị được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện về Văn phòng HĐND và UBND xã theo yêu cầu và thời hạn quy định. Văn phòng HĐND và UBND xã tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch, làm căn cứ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung kế hoạch này nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Văn phòng HĐND và UBND xã để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ THƯỢNG HỒNG T.P HẢI PHÒNG

Hà Thị Thủy

Nơi nhận:
- UBND thành phố;
- Sở Tư pháp thành phố;
- UB. MTTQ xã;
- Đ/c Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch HĐND xã;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã;
- Công an xã;
- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ hòa giải;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.